

Số: 37 /BC-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 3 năm 2024 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hàng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 03 năm 2024 (từ ngày 21 tháng 02 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 0

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: 0

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: 0.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC: không

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹ rà soát, đánh giá 29 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan tiếp tục nghiên cứu tham mưu đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý đảm bảo đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

1.3. Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không

2. Về cải cách việc thực hiện TTHC

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC

- Đã thực hiện việc ban hành Thông báo² công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 3 năm 2024, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 10,9/18 điểm, cụ thể:

+ Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 31,82%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 31,82 %.

+ Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

+ Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 23.777 hồ sơ (đạt 95,22%), hồ sơ chưa đồng bộ 1.193 hồ sơ (chiếm 4,78%).

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 51.187 hồ sơ, trong đó bao gồm: 40.340 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 38.026 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.314 hồ sơ), 10.847 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

¹ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

² Thông báo số 80/TB-VPUBND ngày 01/02/2024 và Thông báo số 147/TB-VPUBND ngày 14/03/2024 của Văn phòng UBND tỉnh.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 39.708 hồ sơ, trong đó bao gồm: 36.357 hồ sơ giải quyết trước hạn, 3.265 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 86 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 11.479 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Đề phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế theo nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và các năm tiếp theo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị³ về thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, hàng tháng kịp thời ban hành các Báo cáo⁴ kết quả thực hiện 07 chỉ tiêu liên quan Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tháng 02 năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Trong tháng 03 năm 2024, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 38.026/40.340 đạt tỷ lệ 94,26 % (tăng 2,22% so với tháng 02 năm 2024). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, bao gồm: Sở Công Thương (2.604/2.604 hồ sơ), Sở Giao thông vận tải (2.042/2.051 hồ sơ), Sở Tư pháp (1.000/1004 hồ sơ) có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài ra, UBND thành phố Quy Nhơn (2.121/2.227 hồ sơ), UBND thị xã Hoài Nhơn (2.038/2.067 hồ sơ), UBND huyện Tuy Phước (1.206/1.206 hồ sơ), UBND huyện Tây Sơn (1.163/1.163 hồ sơ) có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh hồ sơ nhiều và đạt tỷ lệ 100%; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc UBND cấp huyện có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh nhiều và đạt tỷ lệ 98%, gồm: thị xã Hoài Nhơn (2.849/2.891 hồ sơ), thành phố Quy Nhơn (2.820/2.869 hồ sơ), *(Phụ lục 1 kèm theo)*.

- Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng 3 năm 2024 là 29.409 giao dịch 19.706 giao dịch đạt tỷ lệ 94,64% (giảm 1,26% so với tháng 02 năm 2024). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Tư pháp, Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Hoài Nhơn, An Nhơn; các xã, phường, thị trấn thuộc huyện Phú Cát, Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh *(Phụ lục 2 kèm theo)*.

³ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴ Báo cáo số 157/BC-VPUBND ngày 15/03/2024 của Văn phòng UBND tỉnh kết quả thực hiện 07 chỉ tiêu liên quan Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tháng 02 năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Quyết định⁵ công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục 11 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh và Quyết định⁶ giao 07 tiêu liên quan đến “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 cho 18 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm 07 chỉ tiêu: (i) Hồ sơ trực tuyến, (ii) Thanh toán trực tuyến, (iii) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, (iv) khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, (v) Cấp kết quả điện tử, (vi) Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến và (vii) Thủ tục hành chính cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến). Đến nay đã có 08/11 đơn vị cấp huyện⁷ đã có văn bản giao chỉ tiêu cho đơn vị cấp xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản⁸ chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Văn phòng UBND tỉnh⁹, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai việc cung cấp dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản¹⁰ chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho: (i) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, làm đầu mối liên hệ, phối hợp với Câu lạc bộ chữ ký số và Giao dịch điện tử Việt Nam (NEAC) đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ chữ ký số, nhất là các đơn vị đóng chân trên địa bàn tỉnh; (ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh chủ trì, triển khai cho các đơn vị ngân hàng, các tổ chức thanh toán trung gian có hoạt động trên địa bàn tỉnh tích cực phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh đoàn trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân đăng ký, sử dụng tài khoản thanh toán trực tuyến để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; (iii) Công an tỉnh phối hợp chỉ đạo Công an các địa phương cấp huyện, cấp xã tích cực phối hợp với Đoàn Thanh niên cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký kích hoạt, sử dụng ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh; (iv) Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục thực hiện tốt vai trò là cơ quan điều phối, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc thực hiện hiệu quả Đề án 5299. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, bổ sung chức năng của “Hệ thống báo cáo Đề án 5299” phục

⁵ Quyết định 162/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷ 08 đơn vị cấp huyện ban hành Quyết định, gồm: huyện Tuy Phước (Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), thành phố Quy Nhơn (Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 26/01/2024), thị xã Hoài Nhơn (Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, huyện Vĩnh Thạnh (Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), huyện Hoài Ân (Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), huyện An Lão (Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 24/01/2024), Thị xã An Nhơn (Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 23/01/2024), huyện Tây Sơn (Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 26/02/2024).

⁸ Công văn số 1453/UBND-KSTT ngày 03/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁹ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 131/VPUBND-TTPVHCC ngày 07/3/2024 đề nghị VNPT Bình Định tập trung phối hợp Triển khai tích hợp, kết nối dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành kết nối, tích hợp các nội dung trên trước ngày 25/3/2024.

¹⁰ Công văn số 1964/UBND-KSTT ngày 18/03/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Phối hợp triển khai thực hiện Đề án 5299 của UBND tỉnh trong năm 2024.

vụ cho việc theo dõi tình hình chỉ tiêu “Chữ ký số cá nhân” và chỉ tiêu “Tài khoản thanh 3 toán trực tuyến” của Đề án 5299 để số liệu về kết quả thực hiện đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan, trung thực; (v) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quan tâm, phối hợp, chỉ đạo việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, hoàn thành các chỉ tiêu của Đề án 5299 trong năm 2024 theo Kế hoạch số 153-KH/TĐTN-TTNTH ngày 26/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; (vi) Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chủ động, tích cực trong công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để triển khai thực hiện, hoàn thành tốt các chỉ tiêu Đề án 5299 trong năm 2024 theo Kế hoạch của đơn vị. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, làm việc với các tổ chức Đoàn Thanh niên,...

2.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản¹¹ Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quan tâm, thường xuyên theo dõi, kiểm tra sâu sát và quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cấp xã trên địa bàn tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo hoàn thành dứt điểm công tác số hóa 100% khối lượng dữ liệu Hộ tịch ngay trong tháng 4 năm 2024 đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 98,3% (giảm 0,1% so với tháng 02 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 99,8% (giảm 0,1%), cấp huyện đạt 99,6 % (giảm 0,3%), cấp xã đạt 97,1% (giảm 1,3%).

- Kết quả tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 92,4% (tăng 0,51% so với tháng 02 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 67,8% (giảm 11,8%), cấp huyện đạt 93% (tăng 2,4%), cấp xã đạt 97,3% (tăng 2,7%).

- Kết quả tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 96,12% (tăng 0,12% so với cùng kỳ tháng 02 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 95,3% (giảm 0,3%), cấp huyện đạt 95,3% (tăng 1,3%), cấp xã đạt 96,7% (giảm 0,3%).

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 12 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 08 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 04 phản ánh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý

¹¹ Công văn số 1700/UBND-KSTT ngày 11/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

4. Nhiệm vụ khác:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹² triển khai mô hình "Hành chính phục vụ người dân" trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến nay, đã có 6/11 địa phương¹³ thí điểm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình này. Theo đó, tính đến ngày 13/3/2024, kết quả thực hiện như sau (i) UBND thành phố Quy Nhơn là địa phương đầu tiên đã triển khai hoàn thiện sớm nhất thí điểm mô hình này tại 21/21 đơn vị (trong đó phát sinh 254 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân). Bên cạnh đó, cán bộ địa phương thiết lập các kênh thông tin như facebook, zalo để lan tỏa, tuyên truyền cho người dân trên địa bàn thành phố và được người dân địa phương đánh giá cao, vui mừng, phấn khởi khi Nhà nước triển khai mô hình này; (ii) UBND thị xã Hoài Nhơn thí điểm tại 02/17 đơn vị (trong đó phát sinh 43 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân); (iii) UBND huyện Tuy Phước 02/13 đơn vị (trong đó phát sinh 17 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác kiểm soát TTHC, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và báo cáo định kỳ hằng tháng về công tác cải cách TTHC theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ tiếp tục được duy trì và thực hiện nền nếp, qua đó góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến, Tỷ lệ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh và Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh tăng.

2. Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn trong tháng 02 năm 2024 tăng 29 hồ sơ so với tháng 02 năm 2024; Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh; Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng giảm nhẹ.

III. NHIỆM VỤ TRONG THÁNG 04 NĂM 2024

¹² Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh.

¹³ 06 địa phương bao gồm: Thành phố Quy Nhơn (Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 18/01/2024), thị xã An Nhơn (Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/01/2024), huyện An Lão (Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), thị xã Hoài Nhơn (Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 21/02/2024), huyện Tuy Phước (Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2024), huyện Vĩnh Thạnh (Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 23/02/2024)

1. Tiếp tục duy trì việc công bố, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

2. Triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3. Triển khai thí điểm chức năng chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

4. Thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; kiên quyết tham mưu, đề xuất tạm dừng cung cấp đối với những dịch vụ công trực tuyến không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nhất là những dịch vụ công trực tuyến còn yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ giấy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023; đồng thời, gắn với việc đánh giá thí điểm không nhận hồ sơ giấy.

5. Rà soát, báo cáo kết quả xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, báo cáo thủ tục hành chính nội bộ và các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp có quy định việc lấy ý kiến đối với các cơ quan liên quan chưa phù hợp, nặng tính hình thức, làm kéo dài thời gian giải quyết công việc để đề xuất đơn giản hóa.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh	7030	7158	98,21
1	Sở Công Thương	2604	2604	100
2	Sở Du lịch	25	25	100
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	97	97	100
4	Sở Khoa học và Công nghệ	13	13	100
5	Sở Ngoại vụ	6	6	100
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	579	579	100
7	Sở Nội vụ	61	61	100
8	Sở Thông tin và Truyền thông	7	7	100
9	Sở Tài chính*	6	6	100
10	Sở Văn hóa và Thể thao	27	27	100
11	Sở Xây dựng	118	118	100
12	Sở Tư pháp	1000	1004	99,6
13	Sở Giao thông vận tải*	2042	2051	99,56
14	Sở Y tế	148	149	99,33
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư*	19	21	90,48
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	227	313	72,52
17	Ban Quản lý khu kinh tế	15	22	68,18
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36	55	65,45
II	Cấp huyện	11327	11755	96,36
1	UBND huyện Tây Sơn	1163	1163	100
2	UBND huyện Tuy Phước	1206	1206	100
3	UBND huyện Vĩnh Thạnh	168	170	98,82
4	UBND huyện Phù Cát	1153	1169	98,63
5	UBND thị xã Hoài Nhơn	2038	2067	98,6
6	UBND huyện Vân Canh	211	215	98,14
7	UBND huyện An Lão	502	514	97,67
8	UBND TP. Quy Nhơn	2121	2227	95,24
9	UBND huyện Phù Mỹ	930	995	93,47
10	UBND huyện Hoài Ân	337	366	92,08

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyển	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyển, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
11	UBND thị xã An Nhơn	1498	1663	90,08
II	Cấp xã	19669	21427	91,8
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	2849	2891	98,55
2	UBND TP. Quy Nhơn	2820	2869	98,29
3	UBND thị xã An Nhơn	972	1018	95,48
4	UBND huyện Phù Mỹ	1651	1748	94,45
5	UBND huyện Tuy Phước	2532	2694	93,99
6	UBND huyện Phù Cát	3218	3572	90,09
7	UBND huyện An Lão	1190	1328	89,61
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1062	1196	88,8
9	UBND huyện Tây Sơn	1726	1990	86,73
10	UBND huyện Hoài Ân	1101	1350	81,56
11	UBND huyện Vân Canh	548	771	71,08
	Tổng cộng I+II+III	38026	40.340	94,2

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 21/02/2024 đến ngày 18/3/2024.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
I	Cấp tỉnh	3632	4755	76,38
1	Sở Du lịch	25	25	100
2	Sở Tư pháp	805	805	100
3	Sở Y tế	136	136	100
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	100
5	Sở Khoa học và Công nghệ	5	5	100
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư*	2	2	100
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	362	362	100
8	Sở Thông tin và Truyền thông	6	6	100
9	Sở Văn hóa và Thể thao	4	4	100
10	Ban Quản lý khu kinh tế	9	9	100
11	Sở Lao Động -Thương binh và Xã hội	10	10	100
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	620	620	100
13	Sở Xây dựng	43	46	93,48
14	Sở Công Thương	12	19	63,16
15	Sở Giao thông vận tải	1592	2705	58,85
16	Ban Dân tộc	0	0	0
17	Sở Nội vụ	0	0	0
18	Sở Tài chính	0	0	0
19	Sở Ngoại vụ	0	0	0
20	Thanh Tra	0	0	0
II	Cấp huyện	7625	8148	93,58
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	1383	1385	99,86
2	UBND huyện An Lão	263	264	99,62
3	UBND huyện Vân Canh	157	158	99,37
4	UBND huyện Tây Sơn	859	868	98,96
5	UBND huyện Phù Mỹ	533	539	98,89
6	UBND huyện Hoài Ân	233	237	98,31
7	UBND thị xã An Nhơn	1085	1112	97,57
8	UBND huyện Phù Cát	925	962	96,15
9	UBND TP Quy Nhơn	1563	1647	94,9

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	198	216	91,67
11	UBND huyện Tuy Phước	426	760	56,05
III	Các xã	18152	18172	99,89
1	UBND huyện Phù Cát	3077	3077	100
2	UBND huyện Tuy Phước	2293	2293	100
3	UBND huyện Vân Canh	655	655	100
4	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1147	1147	100
5	UBND thị xã An Nhơn	721	721	100
6	UBND thị xã Hoài Nhơn	2390	2390	100
7	UBND TP Quy Nhơn	2592	2593	99,96
8	UBND huyện An Lão	1127	1128	99,91
9	UBND huyện Phù Mỹ	1546	1548	99,87
10	UBND huyện Hoài Ân	963	968	99,48
11	UBND huyện Tây Sơn	1641	1652	99,33
	Tổng số I+II+III	29409	31075	94,64

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 21/02/2024 đến ngày 18/3/2024 (thống kê theo ngày thanh toán).

(-) Các cơ quan không có TTHC thu phí, lệ phí.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.